

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 10/5/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Nông Quốc Huy	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lê Nam Bắc	7,50	Bảy phẩy năm	42	Đàm Thu Lệ	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Đình Bằng	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Hoàng Diệu Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,00	Bảy	45	Lăng Văn Long	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Bế Ngọc Công	7,50	Bảy phẩy năm	46	Nông Văn Long		Thôi học
7	Đình Văn Cường	7,00	Bảy	47	Nông Đức Long	7,00	Bảy
8	Luong Thị Đào	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bế Thanh Đạt	7,00	Bảy	49	Tô Linh Nam	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Đặng Xuân Định	7,00	Bảy	50	Đình Thị Thanh Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Mã Văn Duệ	7,00	Bảy	51	Hà Văn Nghị	7,00	Bảy
12	Nông Thị Mỹ Dung	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Trương Đại Nghĩa	7,00	Bảy
13	Bạch Thái Dũng	7,00	Bảy	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,00	Bảy
14	Nguyễn Tiến Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,00	Tám
15	Hà Ngọc Dương	8,00	Tám	55	Nông Thị Minh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
16	Phạm Thị Giang	8,00	Tám	56	Bế Văn Nhân	7,00	Bảy
17	Trần Nguyên Giáp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
18	Ma Thị Hải	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Dương Thanh Phong	8,00	Tám
19	Nông Ngọc Hải	7,50	Bảy phẩy năm	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Lâm Thị Quỳnh	8,00	Tám
21	Hoàng Quang Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	61	Bàn Tồn Sao	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	62	Đình Thị Hồng Sợi	7,00	Bảy
23	Quốc Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	63	Nông Đức Tài	7,00	Bảy
24	Nông Thị Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Nông Hồng Thắm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Lục Xuân Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Phan Văn Thành	7,50	Bảy phẩy năm
26	Thắm Đức Hoàng	7,00	Bảy	66	Phan Thiêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Nông Duy Hoàng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Lê Thị Xuân Thương	7,75	Bảy phẩy bảy năm

ĐH

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
28	Hoàng Doãn Hoạ	8,00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hoàng Văn Hội	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lê Minh Thụy	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lê Thị Hồng	8,00	Tám	70	Luong Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Hoàng Văn Huấn	8,00	Tám	71	Phan Minh Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
32	Đình Văn Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
33	Trần Văn Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Đình Kiều Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Bế Văn Hùng	7,25	Bảy phẩy hai năm	74	Lê Kim Trường	8,00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	8,00	Tám	75	Hồ Anh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	76	Hứa Thanh Tùng	7,50	Bảy phẩy năm
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Nông Hồng Hương	7,50	Bảy phẩy năm	78	Đoàn Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Trương Ngọc Hữu	7,50	Bảy phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lý Văn Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**





Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thủy

Hoàng Việt Hưng